

PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THÁNG 11 NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-PVHCC ngày tháng 12 năm 2023 của Trung tâm Phục vụ hành chính công)

STT	TÊN CƠ QUAN	TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ					TÌNH HÌNH TRẢ KẾT QUẢ VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ										SỬ DỤNG DỊCH VỤ BCCI		
		Tổng số HSTN trong kỳ	Trong đó				Tổng số HS phải giải quyết	HS kỳ trước chuyển qua	Tổng số HS đã GQ & TKQ	Trong đó						Tổng số hồ sơ	Trong đó		Đạt %
			HSTN trực tiếp	Đạt %	HSTN trực tuyến	Đạt %				TKQ trước hạn	Đạt %	TKQ đúng hạn	Đạt %	Hồ sơ trễ hạn	Đạt %		Tiếp nhận	Trả kết quả	
1	Bảo hiểm Xã hội	2.670	474	17,75	2.196	82,25	3.389	719	3.383	0	0	3.383	100	0	0	710	47	663	20,95
2	Ban Quản lý các KCN	6	2	33,33	4	66,67	7	1	4	4	100	0	0	0	0	3	0	3	42,86
3	Công an tỉnh	337	337	100	0	0	337	0	337	25	7,42	312	92,58	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	3.053	0	0	3.053	100	3.168	115	3.168	3.168	100	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Sở Công Thương	2.809	18	0,64	2.791	99,36	2.840	31	2.745	12	0,44	2.733	99,56	0	0	18	16	2	0,63
6	Sở Du lịch	6	0	0	6	100	8	2	6	6	100	0	0	0	0	6	0	6	75
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	89	0	0	89	100	140	51	72	40	55,56	32	44,44	0	0	18	2	16	12,86
8	Sở Giao thông vận tải	1.637	1.637	100	0	0	1.645	8	1.446	1.373	94,95	73	5,05	0	0	325	0	325	19,76
9	Sở Khoa học và CN	9	0	0	9	100	13	4	10	10	100	0	0	0	0	9	0	9	69,23
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	388	359	92,53	29	7,47	447	59	400	399	100	1	0	0	0	236	1	235	52,8
11	Sở Lao động - TBXH	188	0	0	188	100	229	41	174	174	100	0	0	0	0	10	0	10	4,37
12	Sở Nông nghiệp và PTNT	36	5	13,89	31	86,11	62	26	39	39	100	0	0	0	0	24	0	24	38,71
13	Sở Nội vụ	29	0	0	29	100	29	0	18	18	100	0	0	0	0	1	0	1	3,45
14	Sở Tài chính	7	5	71,43	2	28,57	8	1	8	8	100	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Sở Tài nguyên và MT	105	83	79,05	22	20,95	171	66	84	84	100	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Sở Tư pháp	885	224	25,31	661	74,69	1.421	536	771	771	100	0	0	0	0	730	97	633	51,37
17	Sở Thông tin và TT	17	0	0	17	100	22	5	18	18	100	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Sở Văn hóa Thể thao	17	0	0	17	100	21	4	18	18	100	0	0	0	0	3	0	3	14,29
19	Sở Xây dựng	89	0	0	89	100	226	137	117	117	100	0	0	0	0	14	0	14	6,19
20	Sở Y tế	89	0	0	89	100	204	115	129	129	100	0	0	0	0	2	0	2	0,98
21	Văn phòng UBND tỉnh	2	2	100	0	0	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		12.468	3.146	25,23	9.322	74,77	14.390	1.922	12.947	6.413	49,53	6.534	50,47	0	0	2.109	163	1.946	14,66

Ghi chú: Số lượng hồ sơ tiếp nhận chưa bao gồm:

- Công an tỉnh tiếp nhận 337 hồ sơ trực tuyến, Sở KHĐT tiếp nhận hồ sơ trực tuyến mức độ 4: 359 hồ sơ (do chưa hoàn thiện giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cổng dịch vụ công của tỉnh với phần mềm chuyên ngành của Bộ Công an, Bộ KHĐT, nên ảnh hưởng đến kết quả thống kê tiếp nhận trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh)
- Sở Nội vụ tiếp nhận 29 hồ sơ trực tuyến, trong đó trực tiếp thẩm định: 27 hồ sơ tập thể, 23 hồ sơ cá nhân